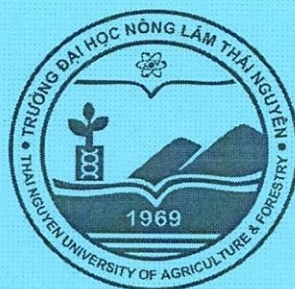


ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



QUY ĐỊNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Thái Nguyên, 2022

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



QUY ĐỊNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Thái Nguyên, 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của
Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 03/QN-HĐT ngày 30/12/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên.

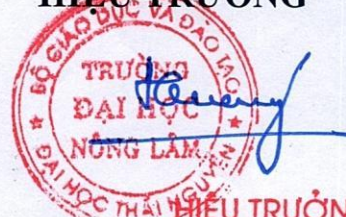
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1052/QĐ-ĐHNL ngày 02/8/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc trường các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- BGH (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG


HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Hưng Quang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của

Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 154 /QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 8 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông lâm)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Nông lâm (ĐHNL), các đơn vị, giảng viên và học viên; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân tham gia vào quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, cấp bằng thạc sĩ của Trường ĐHNL; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, các chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ giữa Trường ĐHNL với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ do các khoa chuyên môn xây dựng, Hiệu trưởng ký quyết định và ban hành đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ đối với người trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ thạc sĩ phải đạt Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình

đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

2. Xây dựng chương trình đào tạo

a) Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi chuyên ngành; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với học phần tốt nghiệp, phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Thái Nguyên (ĐHTN). Chương trình đào tạo phải quy định danh mục ngành phù hợp đối với người học đã tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

b) Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

c) Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

d) Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm: mục tiêu; chuẩn đầu ra; số tín chỉ; các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn; nội dung, hình thức tổ chức dạy học; hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá; học liệu của học phần; các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của đơn vị đào tạo.

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu:

- Học phần kiến thức chung gồm: học phần Triết học và học phần Tiếng Anh. Các ngành gần nhau và có số học viên ít thì có thể tổ chức thành một lớp chung để tiết kiệm chi phí.

- Học phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành:

Nhóm học phần bắt buộc: chiếm 20 - 25% khối lượng chương trình đào tạo, bao gồm những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo, bắt buộc học viên phải tích lũy.

Nhóm học phần tự chọn chiếm 15 - 20% khối lượng chương trình đào tạo, học phần bao gồm những nội dung kiến thức cần thiết, học viên được tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn và để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- Học phần đề án/dự án/chuyên đề nghiên cứu: chiếm 20 – 25% khối lượng chương trình đào tạo, bao gồm những nội dung về thực hành, xây dựng đề cương nghiên cứu, đề án, thực hiện chuyên đề nghiên cứu...

- Học phần tốt nghiệp: học viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu có khối lượng 15 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng luận văn thạc sĩ.

b) Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng:

- Học phần kiến thức chung: gồm học phần Triết học và học phần Tiếng Anh. Các ngành gần nhau và có số học viên ít cần tổ chức thành một lớp chung để tiết kiệm chi phí.

- Học phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành:

Nhóm học phần bắt buộc: chiếm khoảng 35% khối lượng chương trình đào tạo bao gồm những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo, buộc học viên phải tích lũy.

Nhóm học phần tự chọn chiếm khoảng 20 - 25% khối lượng chương trình đào tạo là học phần bao gồm những nội dung kiến thức cần thiết, học viên được tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn và để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- Học phần thực tập: chiếm khoảng 15% khối lượng chương trình đào tạo, bao gồm những nội dung về thực hành, thực tập trong lĩnh vực chuyên môn.

- Học phần tốt nghiệp: học viên phải thực hiện học phần tốt nghiệp có khối lượng 9 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng đề án.

c) Nội dung chương trình đào tạo thạc sĩ phải thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học không vượt quá 5% thời lượng mỗi học phần (nếu cần phải nhắc lại).

4. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.

b) Sau mỗi khóa học, chương trình đào tạo phải rà soát, sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo trên thế giới. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo

(nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

c) Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Trường ĐHNH và ĐHTN, được Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d) Đối với một số chương trình đào tạo liên ngành, việc xây dựng nội dung chương trình đào tạo, Nhà trường sẽ báo cáo ĐHTN để huy động được tối đa nguồn lực về giảng viên, cơ sở vật chất của toàn ĐHTN tham gia và phục vụ đào tạo.

đ) Các chương trình đào tạo thạc sĩ trước khi triển khai đào tạo phải báo cáo ĐHTN về chương trình để thực hiện quản lý, chỉ đạo và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

5. Chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Chương trình đào tạo được thực hiện để cấp bằng thạc sĩ theo Quy định này; không cấp thêm một văn bằng giáo dục đại học khác. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố cho học viên trước khi áp dụng.

Điều 4. Hình thức, thời gian và ngôn ngữ đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN và của Trường ĐHNH.

2. Đối với mỗi hình thức đào tạo, Nhà trường sẽ cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

c) Thời gian để học viên hoàn thành khóa học từ 18 tháng đến 24 tháng (tùy theo từng ngành đào tạo), thời gian tối đa không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

3. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo là tiếng Việt. Tổ chức đào tạo bằng ngôn ngữ nước ngoài do Giám đốc ĐHTN quyết định.

Điều 5. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Học viên được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) tại Trường ĐHNL hoặc ở một đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHNL hoặc đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHTN. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Điều kiện, tiêu chí đánh giá, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại Khoản 1 Điều này cụ thể như sau:

a) Điều kiện, tiêu chí đánh giá Học viên được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Học phần có cùng tên gọi (hoặc tương tự), nội dung tương đương và có số tín chỉ bằng hoặc lớn hơn so với chương trình đào tạo thạc sĩ hiện hành của ngành, chuyên ngành;

- Học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành, chuyên ngành đạt từ điểm 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Học phần không được công nhận chuyển đổi kết quả học tập: đề cương nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và các học phần không đủ điều kiện theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này;

- Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

b) Quy trình công nhận chuyển đổi kết quả học tập

- Bước 1: Học viên gửi đơn đề nghị chuyển đổi và công nhận kết quả học tập kèm bằng thạc sĩ, bằng điểm cao học (photo công chứng) về Phòng Đào tạo;

- Bước 2: Khoa chuyên môn và Phòng Đào tạo xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập;

- Bước 3: Hiệu trưởng ký quyết định công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho học viên;

- Bước 4: Thông báo kết quả chính thức cho học viên;

- Bước 5: Nhập điểm chuyển đổi kết quả học tập vào hệ thống quản lý đào tạo.

4. Điều kiện, quy trình sinh viên đăng ký một số học phần theo quy định tại Khoản 2 Điều này cụ thể như sau:

- Bước 1: Sinh viên đủ điều kiện gửi đơn đăng ký môn học về Phòng Đào tạo;

- Bước 2: Trưởng phòng Đào tạo xét theo quy định và ký duyệt đơn đăng ký;

- Bước 3: Phòng Đào tạo thông tin đến sinh viên đóng học phí môn học;

- Bước 4: Sau khi sinh viên hoàn thành học phí, Phòng Đào tạo đăng ký môn học cho sinh viên vào hệ thống quản lý đào tạo.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 6. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy định cụ thể như sau:

- Là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo có chỉ số ISBN do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;

- Là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

d) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

đ) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của ĐHTN.

e) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 Điều này và tại các điều khác của Quy định này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương

trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ. Căn cứ văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa chuyên môn xác định số tín chỉ và các học phần phải học bổ sung trước khi dự tuyển.

Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý. Yêu cầu người dự tuyển có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp phải có kinh nghiệm công tác chuyên môn ít nhất 01 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Danh mục ngành phù hợp đối với từng chương trình đào tạo được thể hiện trong Đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường.

3. Người dự tuyển đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường ĐHNL (nếu có).

5. Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, người dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ của ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

6. Điều kiện dự tuyển thuộc trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng trường ĐHNL.

Điều 7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Người dự tuyển phải nộp quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên, kể cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn ngoại ngữ nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi hoặc xét tuyển môn Cơ sở.

Điều 8. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, đề án tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển do ĐHTN quyết định bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển. Giám đốc ĐHTN quyết định việc tổ chức tuyển sinh theo hình thức trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

2. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Giám đốc ĐHTN quyết định.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Trường ĐHNL ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển.
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo.
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung.
- d) Hồ sơ dự tuyển.
- đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh.
- e) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học.
- g) Thông tin cần thiết khác của chương trình đào tạo và đơn vị đào tạo.

4. Hiệu trưởng giao phòng Đào tạo căn cứ vào Quy định này và các quy định có liên quan khác chịu trách nhiệm xây dựng Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ (theo mẫu tại Phụ lục I), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 9. Ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển

1. Ngành tốt nghiệp của người dự tuyển được xác định là ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III hoặc cấp IV của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Giám đốc ĐHTN quyết định danh mục ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển không thuộc các ngành được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Danh mục các ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển phải được công khai trong thông báo tuyển sinh và trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHNL và của ĐHTN.

Điều 10. Học bổ sung trước khi dự tuyển

1. Hiệu trưởng quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển. Các học phần bổ sung kiến thức là các học phần trong CTĐT bậc đại học của ngành phù hợp với ngành thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ. Tùy vào bằng đại học đã có thí sinh phải học khối lượng các học phần bổ sung cụ thể theo quy định trong Đề án tuyển hình hằng năm của trường.

Người học phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định hiện hành đối với hệ đại học chính quy.

Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa tổ chức các lớp học bổ sung kiến thức và có thể mở lớp quanh năm để thí sinh có đủ thời gian tham gia học tập. Việc tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức có thể thực hiện bằng phương pháp trực tiếp, hoặc trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Phòng Đào tạo cấp bằng điểm và lưu hồ sơ dự tuyển của thí sinh.

2. Trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng phòng Đào tạo, Hiệu trưởng quyết định:

- a) Việc học bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hoặc ngành đúng, ngành phù hợp nhưng đã tốt nghiệp cách nhiều năm hoặc bằng tốt nghiệp do cơ sở khác cấp nếu thấy cần thiết.
- b) Nội dung kiến thức cần bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 của Điều này.
- c) Tổ chức việc học bổ sung, công khai quy định về học bổ sung trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

Điều 11. Hồ sơ dự tuyển

1. Các thủ tục đăng ký, lập danh sách trích ngang người dự tuyển, xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển thực hiện theo quy định của Trường ĐHNH và ĐHTN. Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu tại Phụ lục II).
- b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, dán ảnh, đóng dấu giáp lai, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú.
- c) Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- d) Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học và phụ lục văn bằng kèm theo; các bằng cấp liên quan, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

đ) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn công bố khoa học. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có).

e) Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).

g) Các tài liệu liên quan khác:

- Giấy khám sức khỏe của bệnh viện trong vòng 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Bản sao có công chứng văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, chứng chỉ ngoại ngữ;

- Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng ký vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 03 (ba) ảnh chân dung mới chụp cỡ 4cmx6cm và 02 (hai) phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của người nhận.

- Giấy xác nhận đang công tác trong lĩnh vực chuyên môn đối với các trường hợp thí sinh dự thi là ngành phù hợp.

Người đăng ký dự tuyển cần mang theo các bản chính của giấy tờ trong hồ sơ để xuất trình, kiểm tra khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

2. Chậm nhất 03 tuần trước ngày thi hoặc xét tuyển, ĐHTN công bố danh sách người dự tuyển, phòng thi và số báo danh (nếu có) trên trang thông tin điện tử của ĐHTN. Người dự tuyển cần tiếp nhận thông tin về đợt tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và của Trường ĐHNL để thực hiện đúng, đầy đủ trong đợt tuyển sinh.

3. Trong thời gian quy định, phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển. Khi nhận hồ sơ cần đối chiếu các bản sao với bản chính, kiểm tra phát hiện giấy tờ, thủ tục còn thiếu hoặc chưa hợp lệ (nếu có) và thông báo, hướng dẫn ngay cho người dự tuyển bổ sung, hoàn thiện để nộp kịp thời hạn. Chỉ thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển đã đầy đủ giấy tờ, thủ tục hợp lệ.

4. Số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển: 02 (hai) bộ hồ sơ, trong đó 01 (một) bộ báo cáo ĐHTN, 01 (một) bộ lưu tại Trường ĐHNL.

Điều 12. Phương thức thi tuyển

1. Các môn thi tuyển sinh:

Thi tuyển sinh bao gồm 03 môn thi, cụ thể như sau:

a) Môn thi ngoại ngữ là tiếng Anh (điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu vào). Đối với người dự tuyển chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài, môn thi ngoại ngữ là một trong 4 ngôn ngữ: tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc. Dạng thức đề thi môn tiếng Anh phải đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; trình độ và dạng thức đề thi ngoại ngữ khác do Giám đốc ĐHTN quy định và công khai trong thông báo tuyển sinh của ĐHTN.

b) Môn Cơ sở và môn Chủ chốt của ngành, chuyên ngành được thể hiện trong Đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh hàng năm và được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN, của Trường ĐHNL.

2. Người dự tuyển đạt năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy định này được miễn thi môn ngoại ngữ.

Điều 13. Phương thức xét tuyển, xét tuyển kết hợp thi tuyển

1. Tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển đảm bảo các tiêu chí sau:

a) Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương để xét tuyển.

b) Trưởng khoa chuyên môn lựa chọn 02 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc (thuộc khối cơ sở ngành và khối chuyên ngành) theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của người dự tuyển. Kết quả mỗi học phần ở trình độ đại học sử dụng để xét tuyển hoặc kết quả thi của học phần bổ sung kiến thức (nếu có) phải đạt ít nhất 50% thang điểm của học phần đó.

c) Đối với chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, ngoài yêu cầu tại điểm a, điểm b khoản này, ĐHTN thực hiện xét tuyển đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy đổi điểm theo quy định để sử dụng làm một tiêu chí xét tuyển.

2. Tổ chức thi tuyển đối với môn tiếng Anh (điều kiện chuẩn ngoại ngữ đầu vào). Dạng thức đề thi môn tiếng Anh phải đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trường hợp tất cả người đăng ký dự tuyển đạt chuẩn ngoại ngữ đầu vào theo quy định, ĐHTN tổ chức xét tuyển theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14: Hội đồng tuyển sinh, đề thi tuyển sinh, tổ chức thi tuyển sinh, chấm thi tuyển sinh, công nhận thí sinh trúng tuyển

Được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28/01/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 15. Công nhận học viên và tổ chức nhập học

Căn cứ danh sách học viên đã được Giám đốc ĐHTN quyết định công nhận trúng tuyển, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên thạc sĩ đối với những người trúng tuyển nhập học, báo cáo danh sách học viên nhập học gửi ĐHTN, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 16. Tổ chức đào tạo

1. Địa điểm đào tạo tại Trường ĐHNLT; các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo. Trường ĐHNLT tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ.

2. Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên giảng dạy ở trình độ thạc sĩ phải tuân thủ các quy định hiện hành tại Điều 54, Điều 55, Điều 57 và Điều 58 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan.

3. Việc lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy, đánh giá và xử lý kết quả học tập được thực hiện theo các quy định liên quan tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tại các khoản từ khoản 4 đến khoản 10 của Điều này và Điều 17 Quy định này. Việc tổ chức đánh giá luận văn, đề án thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy định này.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp học thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Kế hoạch giảng dạy và học tập các học phần trong chương trình đào tạo được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với mỗi học phần không vượt quá 15 giờ trong một tuần và 04 giờ trong một ngày.

5. Trước mỗi học kỳ, phòng Đào tạo sẽ thông báo các học phần sẽ mở để học viên đăng ký theo từng chương trình đào tạo; khối lượng tín chỉ tối đa và tối thiểu trong mỗi học kỳ học viên được phép đăng ký; tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy và không quá 30 tín chỉ đối với hình thức vừa làm vừa học.

6. Chương trình đào tạo sẽ được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

Điều 16. Đánh giá kết quả học tập

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của học viên; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần.

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết.

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần.

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp,...) phù hợp với yêu cầu của học phần.

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của học viên.

2. Điểm học phần bao gồm: điểm chuyên cần (trọng số 20%); điểm kiểm tra thường xuyên (trọng số 20%) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 60%); được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Hình thức kiểm tra, số lần kiểm tra, phương pháp đánh giá...phải được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần.

3. Kết quả các học phần trong chương trình đào tạo chỉ được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá từ mức điểm 5,5 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 5,5 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương số tín chỉ (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong hai lần học. Học viên phải đóng học phí các học phần đăng ký học lại theo mức học phí quy định đối với đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Tổ chức thi, chấm thi

- Đối với bài kiểm tra thường xuyên: Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá.

- Đối với bài thi kết thúc học phần: Việc tổ chức coi thi kết thúc học phần do phòng Đào tạo thực hiện. Bài thi được quản lý theo quy định và chuyển cho giáo viên giảng dạy lớp học phần chấm. Công tác coi thi, làm phách, chấm thi phải đảm bảo theo đúng các quy định của Trường ĐHNL.

5. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là tổng điểm của các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và chuyển sang thang điểm 4 như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Phân loại
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt
2	Từ 7,0 – 8,4	B	3,0	
3	Từ 5,5 – 6,9	C	2,0	
4	Từ 4,0 – 5,4	D	1,0	Không đạt
5	Dưới 4	F	0,0	

6. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ trong những trường hợp sau:

a) Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức.

c) Có chứng chỉ tiếng Anh, hoặc chứng chỉ một trong các ngôn ngữ sau: tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức Bậc 4 trở lên hoặc tương đương (theo Phụ lục III của Quy định này) trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp luận văn theo quy định của đơn vị đào tạo, được cấp bởi ĐHTN hoặc cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

d) Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài; đạt trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển tối thiểu theo quy định; học viên được giảng dạy, viết và đánh giá luận văn hoặc đề án bằng ngôn ngữ nước ngoài.

7. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ, hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ được ghi vào phụ lục văn bằng, nhưng không tính vào điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy). Những trường hợp học viên đủ điều kiện về ngoại ngữ, được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ thì được coi như đã học đủ số tín chỉ của học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

8. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn hoặc đề án thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quy định này.

9. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN.

10. Các hoạt động giảng dạy đối với hình thức đào tạo chính quy của các chương trình đào tạo theo hướng nghiên cứu sẽ tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo. Riêng đối với chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định.

11. Cuối mỗi khóa học, Nhà trường sẽ tổ chức việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động đào tạo của Nhà trường về chuẩn đầu ra của CTĐT; phương pháp kiểm tra, đánh giá; mức độ đáp ứng cơ sở vật chất phục vụ đào

tạo; chất lượng phục vụ... trên cơ sở đó Nhà trường sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp với công tác đào tạo của từng ngành học.

Điều 18. Học phần tốt nghiệp

1. Học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng nghiên cứu là luận văn, được thực hiện trong thời gian ít nhất 06 tháng. Học phần tốt nghiệp của chương trình đào tạo định hướng ứng dụng là đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án), được thực hiện trong thời gian ít nhất 03 tháng.

2. Luận văn thạc sĩ là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của đơn vị đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên.

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Tuân thủ quy định của đơn vị đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Đề tài luận văn, đề án do trưởng bộ môn/khoa chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất kèm theo đề cương nghiên cứu hoặc bản thuyết minh đề án, được người hướng dẫn đồng ý và học viên chấp thuận. Trưởng bộ môn/khoa chuyên môn xác nhận trên cơ sở đánh giá, thông qua của Hội đồng khoa học và đào tạo bộ môn/khoa chuyên môn, hoặc của hội đồng đánh giá đề cương trước khi gửi lên phòng Đào tạo.

5. Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn, đề án cho học viên và cử người hướng dẫn chậm nhất 06 tháng trước khi bảo vệ luận văn, chậm nhất

03 tháng trước khi đánh giá đề án, trên cơ sở đề nghị của trưởng bộ môn/khoa chuyên môn và trưởng phòng Đào tạo.

6. Việc thay đổi đề tài luận văn, đề án trước khi tổ chức bảo vệ luận văn, đánh giá đề án do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, có ý kiến đồng ý của người hướng dẫn, trưởng bộ môn/khoa chuyên môn và phòng Đào tạo.

Điều 19. Hướng dẫn luận văn, đề án

1. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Trường ĐHNL. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn và đề án); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

2. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn, đề án:

a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn, đề án của học viên.

b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn, đề án trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn.

d) Người có học vị tiến sĩ phải có đủ thời gian 12 tháng trở lên tính từ ngày có quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 20. Đánh giá luận văn, đề án

1. Luận văn, đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

2. Hội đồng đánh giá luận văn, đề án bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Hội đồng đánh giá luận văn có ít nhất 05 thành viên, bao gồm chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên khác; trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện là người ngoài đơn vị đào tạo.

b) Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện đề án có ít nhất 03 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Buổi bảo vệ chỉ tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện.

c) Tiêu chuẩn các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn luận văn, đề án được quy định tại khoản 2 Điều 19 của Quy định này; trong đó chủ tịch hội đồng phải là giảng viên cơ hữu của Trường hoặc của ĐHTN.

d) Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng (trường hợp hội đồng có hơn 03 thành viên) với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột của học viên không tham gia hội đồng.

3. Điều kiện để học viên được bảo vệ luận văn, đề án:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo.

b) Đã nộp luận văn, đề án và được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ.

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan về kết quả nghiên cứu trung thực, có xác nhận về tỷ lệ sao chép không vượt quá quy định của Trường ĐHNL.

d) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn, đề án.

e) Đã hoàn thành các yêu cầu khác theo quy định của Trường ĐHNL.

4. Buổi bảo vệ luận văn, đề án được tổ chức khi ít nhất 2/3 tổng số thành viên hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại Trường ĐHNL.

5. Điểm luận văn, đề án là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn, đề án theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn, đề án tối đa 9,0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1,0 điểm cho những luận văn mà học viên có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (điểm thành tích nghiên cứu được tính theo điểm của tạp chí khoa học chia đều cho các tác giả của bài báo), hoặc đề án đã được đơn vị ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả thực hiện đề án. Luận văn, đề án được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

6. Trong trường hợp luận văn, đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn, đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng (đối với luận văn) và trong thời hạn 45 ngày (đối với đề án) tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận văn, đề án lần thứ ba. Hiệu trưởng có thể xem xét giao đề tài luận văn, đề án mới nếu học viên có nguyện vọng. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn, đề án không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, đề án, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài luận văn, đề án mới do học viên tự chi trả.

7. Sau ngày bảo vệ luận văn, đánh giá đề án tối đa 30 ngày, học viên phải chỉnh sửa luận văn, đề án theo ý kiến góp ý của Hội đồng đánh giá luận văn, đề án có báo cáo giải trình những điểm cần bổ sung, chỉnh sửa. Luận văn, đề án đã chỉnh sửa và báo cáo giải trình phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn, đề án. Trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, không thể thực hiện xác nhận đúng thời hạn quy định về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, Hiệu trưởng giao cho trưởng khoa quản lý chuyên môn hoặc trưởng bộ môn kiểm tra và xác nhận thay chủ tịch hội đồng. Bản báo cáo giải trình; bản sao biên bản họp hội đồng đánh giá luận văn, đề án và các nhận xét của phản biện; văn bản của Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho người xác nhận thay chủ tịch hội đồng (nếu có) được đóng kèm ở cuối luận văn, đề án, nộp cho phòng Đào tạo kiểm tra, xác nhận trước khi gửi và lưu trữ tại thư viện của Trường, Trung tâm Số của ĐHTN. Toàn văn luận văn, đề án (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng đánh giá luận văn, đề án, nếu có) được công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8. Mỗi năm Trường ĐHNL tổ chức hai đợt chính đánh giá luận văn, đề án (không kể việc tổ chức cho những học viên phải bảo vệ lại luận văn, đề án hoặc các trường hợp đặc biệt khác). Thời gian của mỗi đợt tổ chức bảo vệ luận văn, đề án do Hiệu trưởng xác định và được ghi vào kế hoạch đào tạo của khóa học.

9. Buổi đánh giá luận văn, đề án có thể thực hiện dưới hình thức trực tuyến. Việc đánh giá trực tuyến thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và

đào tạo, ĐHTN, và quy định về tổ chức quản lý đào tạo trực tuyến, bảo vệ tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của Trường ĐHNL.

10. Hiệu trưởng quy định cụ thể về thủ tục, nội dung, trình tự tổ chức đánh giá luận văn, đề án; hồ sơ, các biên bản về bảo vệ luận văn, đề án; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, đề án; xây dựng nội dung và ban hành phiếu chấm luận văn, đề án theo thang điểm quy định; quy định cụ thể và hướng dẫn thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án xem xét về chất lượng, tính hợp lệ của bài báo/ báo cáo khoa học/ đề tài nghiên cứu khoa học, đề án ứng dụng đối với chấm điểm nội dung thành tích nghiên cứu cho luận văn hoặc kết quả triển khai ứng dụng của đề án.

Điều 21. Thẩm định luận văn, đề án

1. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập hội đồng thẩm định chất lượng luận văn, đề án.

2. Hội đồng thẩm định luận văn, đề án có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá luận văn, đề án; các thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án không tham gia hội đồng thẩm định.

3. Thẩm định luận văn, đề án

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, đề án, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, đề án, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, đề án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn, đề án.

b) Việc thẩm định luận văn, đề án được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, khoản 5 và khoản 7, Điều 20 Quy định này.

c) Tác giả luận văn, đề án, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn, đề án không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định, nhưng được ĐHTN thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

4. Xử lý kết quả thẩm định luận văn, đề án không đạt yêu cầu.

a) Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn, đề án không đạt yêu cầu thì phải dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.

b) Trường hợp luận văn, đề án không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

- Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn hoặc đề án, đề tài luận văn hoặc đề án vẫn cần thiết thực hiện thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn, đề án trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các khoản 1, khoản 5 và khoản 7, Điều 20 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 03 tháng;

- Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn, đề án hoặc đề tài luận văn, đề án không cần thiết tiếp tục thực hiện, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài luận văn, đề án mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài luận văn mới trong thời gian tối đa 06 tháng hoặc đề án mới trong thời gian tối đa 03 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn, đề án theo các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Quy định này;

- Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn hoặc đề án, thực hiện và bảo vệ luận văn, đề án mới do học viên tự chi trả.

Điều 22. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu.

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục III của Quy định này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường ĐHNL; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của phòng Đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

3. Trường ĐHNL cấp bằng thạc sĩ cho học viên trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

4. Phụ lục văn bằng của học viên được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ: ngành, chuyên ngành, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung các học phần, kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ (hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ), tên đề tài luận văn hoặc đề án và điểm luận văn hoặc đề án.

5. Đối với các học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập hoặc không hoàn thành chương trình đào tạo khi đã hết thời gian đào tạo (bao gồm cả thời gian kéo dài) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này, không bị kỷ luật buộc thôi học, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp chứng nhận kết quả các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

6. Hiệu trưởng quy định chi tiết về cách tính điểm trung bình toàn khóa, quy trình xét và công nhận tốt nghiệp; việc bảo lưu, cấp giấy công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với học viên chưa hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp.

7. Mỗi năm Nhà trường tổ chức hai đợt chính xét công nhận tốt nghiệp cho học viên thạc sĩ. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch; trưởng phòng/phó trưởng phòng Đào tạo làm ủy viên thường trực; các ủy viên là các trưởng khoa/ bộ môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp. Hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp gồm có: Danh sách trích ngang học viên được xét tốt nghiệp theo chuyên ngành đào tạo, được lập bởi phòng Đào tạo và ủy viên thường trực hội đồng xét

tốt nghiệp và hồ sơ cá nhân học viên được xét tốt nghiệp. Hồ sơ cá nhân của học viên bao gồm:

- a) Bản sao bằng và phụ lục văn bằng tốt nghiệp đại học.
- b) Văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.
- c) Bảng điểm học tập của chương trình đào tạo thạc sĩ toàn khóa học.
- d) Lý lịch khoa học.
- đ) Hồ sơ bảo vệ luận văn, đánh giá đề án theo quy định của Trường ĐHNL.
- e) Giấy chứng nhận đã nộp luận văn, đề án của Trung tâm Số ĐHTN và thư viện của trường ĐHNL: Luận văn hoặc đề án, tóm tắt luận văn hoặc đề án, đĩa CD-ROM lưu trữ luận văn, đề án và tóm tắt luận văn, đề án.
- g) Bản sao giấy khai sinh.
- h) Cam kết thông tin cá nhân ghi trên bằng thạc sĩ.

8. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và phụ lục văn bằng cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp. Việc cấp phát, quản lý bằng thạc sĩ, bản sao bằng thạc sĩ phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; ĐHTN và của Trường ĐHNL.

9. Nhà trường tổ chức trao bằng cho người được cấp bằng thạc sĩ. Trong thời gian chờ đợi thực hiện thủ tục cấp bằng, nếu có đề nghị, học viên được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp và bản sao phụ lục văn bằng thạc sĩ.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

Điều 23. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang.
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành.

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ ở Trường ĐHNL và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

3. Học viên được Hiệu trưởng quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

4. Học viên nghỉ học tạm thời/bảo lưu kết quả học tập, khi muốn trở lại học tập thì phải viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới và hoàn tất thủ tục ghi danh học tập.

Điều 24. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

1. Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển cơ sở đào tạo.

c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo.

d) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến

Giám đốc ĐHTN xem xét và ra quyết định cho phép học viên chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên chuyển đến ĐHTN tiếp tục học tập, trên cơ sở báo cáo, đề nghị của Hiệu trưởng và hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo của học viên. Hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến gồm:

a) Học viên xin chuyển đi: Học viên phải có đơn xin chuyển cơ sở đào tạo, được Hiệu trưởng cho phép chuyển đi và ký tên, đóng dấu xác nhận; có văn bản đồng ý tiếp nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

b) Học viên xin chuyển đến ĐHTN: Học viên phải có đơn xin chuyển đến, có ý kiến cho phép chuyển đi của thủ trưởng cơ sở đang đào tạo học viên và ký tên, đóng dấu xác nhận, có ý kiến đồng ý tiếp nhận và ký tên, đóng dấu xác nhận của thủ trưởng đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN đào tạo chuyên ngành, kèm theo các giấy tờ sau: Hồ sơ học viên, bản sao quyết định công nhận học viên của thủ trưởng cơ sở đào tạo tuyển học viên, phụ lục văn bằng hoặc giấy xác nhận kết quả những học phần đã học. Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải có giấy xác nhận chuyển nơi cư trú đến tỉnh khác của chính quyền địa phương hoặc quyết định tuyển dụng, điều động công tác của cấp có thẩm quyền.

4. Chuyển chương trình đào tạo

Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển chương trình đào tạo một lần, khi có đơn xin chuyển chương trình với lý do chính đáng. Việc cho phép chuyển chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quyết định và chỉ giải quyết cho học viên trước khi bắt đầu học các học phần kiến thức chuyên ngành.

5. Những trường hợp thay đổi khác do Giám đốc ĐHTN xem xét, giải quyết trên cơ sở ý kiến đề nghị của Hiệu trưởng.

Điều 25. Trao đổi học viên và hợp tác trong đào tạo

1. Trường ĐHNL được trao đổi học viên với cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài (sau đây gọi là cơ sở đào tạo phối hợp) theo yêu cầu sau:

a) Cơ sở đào tạo trong nước phải được phép đào tạo cùng ngành ở trình độ thạc sĩ.

b) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài phải là cơ sở giáo dục đại học, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, cho phép đào tạo và cấp bằng thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng.

2. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

a) Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý.

b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở cơ sở đào tạo phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo học viên đang theo học và bảo đảm quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Hiệu trưởng quy định chi tiết về điều kiện, quy trình thực hiện trao đổi học viên; công nhận tín chỉ học viên đã tích lũy khi thực hiện chương trình đào tạo ở cơ sở đào tạo phối hợp và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHNL.

Chương V

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN

Điều 26. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường ĐHNL

1. Trên cơ sở đề nghị của phòng Đào tạo và ý kiến nhất trí của Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường, Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết về quản lý và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

2. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm đối với ngành, chuyên ngành đang đào tạo, báo cáo ĐHTN đúng thời gian quy định.

3. Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, xuất bản, lựa chọn giáo trình, xây dựng và triển khai kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; chuẩn bị điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, điều tra nhu cầu xã hội và lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới.

4. Tổ chức, quản lý, triển khai chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo kế hoạch năm học, khóa học đã được phê duyệt; quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học, kể cả đối với giờ tự học của học viên.

5. Xét điều kiện và ra quyết định công nhận học viên tốt nghiệp; cấp văn bằng, phụ lục văn bằng thạc sĩ, cấp bản sao văn bằng, phụ lục văn bằng thạc sĩ cho người tốt nghiệp (nếu có nhu cầu); quản lý văn bằng, lập và quản lý sổ gốc cấp phát văn bằng thạc sĩ và sổ cấp bản sao theo quy định hiện hành; cấp chứng nhận tốt nghiệp hoặc chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định.

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra nội bộ, đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình

đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

7. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường: Các văn bản quy định và thông tin về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; toàn văn các luận văn, đề án đã đánh giá đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn, đề án đang được thực hiện; cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn, đề án; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ lưu trữ và báo cáo theo quy định tại Điều 33 Quy định này.

9. Bồi hoàn học phí cho học viên nếu Nhà trường vi phạm Quy định này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến học viên không được cấp bằng.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ, đề án.

2. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị từ thạc sĩ trở lên.

3. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ,... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào

tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành, phải là chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ; nhiệm vụ và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ

a) Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của ĐHTN, của Trường ĐHNL và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

b) Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

c) Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Được hưởng các chính sách đối với giảng viên giảng dạy trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và đơn vị đào tạo.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của người hướng dẫn luận văn, đề án

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn, đề án.

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài luận văn, đề án.

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho Hiệu trưởng trong các trường hợp: Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Quy định này; sau 01 tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn, đề án của học viên; đề nghị và chịu trách nhiệm về việc đề nghị đơn vị đào tạo cho học viên bảo vệ luận văn, đánh giá đề án nếu thấy đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quy định này; hướng dẫn học viên sửa chữa luận văn, đề án và xác nhận về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá luận văn, đề án trong thời gian quy định để đảm bảo điều kiện xét tốt nghiệp cho học viên.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành pháp luật; nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, của ĐHTN và của Trường ĐHNL.
2. Thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài luận văn, đề án đã được người hướng dẫn duyệt; thường xuyên báo cáo người hướng dẫn về tiến độ và kết quả thực hiện luận văn, đề án.
3. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn hoặc đánh giá đề án lần thứ hai hoặc thực hiện đề tài luận văn hoặc đề án mới theo quy định hợp pháp của ĐHTN và Trường ĐHNL.
4. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên.
5. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập.
6. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của ĐHTN, của Trường ĐHNL theo quy định cho việc học tập, nghiên cứu.
7. Được đề nghị Hiệu trưởng thay người hướng dẫn luận văn, đề án nếu sau 01 tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài luận văn, đề án và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn, đề án.
8. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của đơn vị đào tạo và ĐHTN về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.
9. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường ĐHNL và ĐHTN.
10. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Trường ĐHNL dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.
11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và học viên thạc sĩ có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của ĐHTN, của Trường ĐHNL, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 31. Thanh tra, kiểm tra

Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ của đơn vị.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm. Học viên thi hộ, học hộ hoặc nhờ người thi hộ, học hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

2. Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đánh giá đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ; sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh.

b) Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu.

c) Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

3. Viên chức, người lao động của Trường ĐHNL tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn hoặc đề án nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn hoặc đề án, tham gia hội đồng đánh giá luận văn hoặc đề án trong thời hạn tối thiểu 01 năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Nếu giảng viên thỉnh giảng, giảng viên của Trường ĐHNL hoặc của đơn vị khác thuộc ĐHTN vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ, hành vi vi phạm sẽ bị đình chỉ, chấm dứt hợp đồng tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ 01 năm hoặc vĩnh viễn,

hoặc bị thay thế khỏi danh sách hội đồng đánh giá luận văn hoặc đề án và dừng tham gia đánh giá luận văn hoặc đề án của đợt đó, hoặc lâu dài hoặc vĩnh viễn, trường hợp cần thiết sẽ kết hợp thông báo bằng văn bản cho thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ của người vi phạm về hành vi vi phạm để xử lý theo quy định.

4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xử lý viên chức, người lao động, học viên vi phạm và báo cáo ĐHTN, thông báo tới cơ quan chủ quản/ đơn vị/ địa phương nơi người bị xử lý đang làm việc, cư trú.

Điều 33. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Phòng Đào tạo có trách nhiệm hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu về đào tạo thạc sĩ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo từ hệ thống, ký xác nhận của đơn vị đào tạo, gửi cho ĐHTN và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Công khai trên trang thông tin điện tử của Trường đầy đủ các thông tin cho từng chương trình đào tạo.

4. Thường xuyên cập nhật thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Trường:

a) Thống kê số lượng học viên trúng tuyển, đang học, thôi học và tốt nghiệp theo từng khóa, từng ngành, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo.

b) Kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu của từng lớp học; tên đề tài, đề án và tóm tắt nội dung các luận văn, đề án có thông tin học viên, người hướng dẫn và ngày bảo vệ luận văn, đề án (trừ các đề tài luận văn, đề án thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước).

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển sinh trình độ thạc sĩ sau ngày 15 tháng 10 năm 2021.

2. Việc tổ chức đào tạo đối với các khóa đã tuyển sinh trước ngày 15 tháng 10 năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 1052/QĐ-ĐHNL ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm về Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan, các đơn vị có trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận văn, đề án và những chuyên đề nghiên cứu khác.

c) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo thạc sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Trường ĐHNL (qua phòng Đào tạo) để báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM

Phụ lục I
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Thông tin chung về đơn vị đào tạo

- 1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo
- 1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ của đơn vị đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô người học, các kết quả nghiên cứu)
- 1.3. Những thông tin cần thiết khác

2. Các nội dung cụ thể của đề án

- 2.1. Đối tượng tuyển sinh
- 2.2. Phương thức tuyển sinh
- 2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành
- 2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu
- 2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm
- 2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định
- 2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính
- 2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

- 3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu
- 3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn học viên thạc sĩ theo các ngành hoặc chuyên ngành
- 3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước
- 3.4. Kiểm định chất lượng
- 3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

4. Những thông tin cần thiết khác

Thủ trưởng đơn vị đào tạo

(Ký tên và đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Phụ lục II
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Đợt tuyển sinh tháng..... năm

1. Họ và tên người dự tuyển:.....2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh ngày..... tháng.....năm 4. Nơi sinh.....
5. Nơi ở hiện nay.....
6. Đối tượng dự tuyển: Công chức, viên chức được cử đi học ☐ Đối tượng khác ☐
7. Đơn vị công tác:
8. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại:.....
9. Thâm niên công tác chuyên môn từ khi tốt nghiệp đại học:.....
10. Thuộc diện cán bộ: Biên chế: ☐ Hợp đồng: ☐
11. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN).....
Hệ đào tạo:Ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....
12. Văn bằng đại học khác (nếu có):.....
13. Đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có):.....
14. Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:.....
15. Minh chứng năng lực ngoại ngữ:.....
16. Công trình nghiên cứu khoa học.....
.....
17. Địa chỉ liên hệ.....

Số điện thoại liên hệ của người dự tuyển:.....

Tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng tuyển sinh, chấp hành đúng quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ. Nếu trúng tuyển tôi sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Đại học Thái Nguyên.

Ngày tháng..... năm.....

Người đăng ký dự tuyển

Phụ lục III

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

